

Bản án số: 154 /2022/HS-PT  
Ngày: 25-8-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phượng

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Quán

Ông Nguyễn Thiện Tâm

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:***

Ông Lê Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Việt T và Nguyễn Việt T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2022/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

***Bị cáo kháng cáo:***

**1. Nguyễn Việt T**, sinh năm 1998 tại Long An. Nơi cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1968 (chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971; bản thân chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt)

**2. Nguyễn Việt T1**, sinh năm 1993 tại Long An. Nơi cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1968 (chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971; bản thân có vợ tên Phạm Thị Thùy D, có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/3/2019, bị Công an huyện T3 ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra, còn có 04 bị cáo khác là Trần Lý H, Trần Vĩnh Kim T4, Phạm Minh C, Nguyễn Văn U không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

*Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:*

- *Bị hại:* Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ - vệ sĩ L. Địa chỉ trụ sở: Số 59A, Khu phố 1, phường P1, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Thanh T5. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Quốc T6, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Ấp 8, xã L1, huyện B, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 08/8/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Công ty Hợp danh Quản lý và thanh lý tài sản V. Địa chỉ trụ sở: Số 18/26 N, Phường 17, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Mã Văn T7, chức vụ: Tổng Giám đốc.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 13/7/2021, Tổ tuần tra của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Long An tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm trên tuyến đường thủy nội địa sông Vàm Cỏ Đông, đoạn sông thuộc ấp 2, xã Aảnh, huyện B, tỉnh Long An phát hiện tại bãi đất trống của xưởng đóng tàu Công ty Đ1 cặp bờ sông bên phải theo hướng thượng lưu có Nguyễn Việt T1, Trần Lý H, Trần Vĩnh Kim T4, Nguyễn Phan Ngọc T8, Phạm Hồng T9, Nguyễn Văn U và tên H1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đang vận chuyển dây điện lõi nhôm, bồn Inox, sắt từ 03 phương tiện ghe gỗ có gắn động cơ lên bờ, lực lượng tuần tra tiến hành kiểm tra lập biên bản tạm giữ vật chứng và giữ Nguyễn Văn U lại, các đối tượng khác trốn thoát, sau đó Tổ tuần tra chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Qua điều tra xác định Trần Lý H, Trần Vĩnh Kim T4, Phạm Minh C, Nguyễn Việt T, Nguyễn Việt T1 và đối tượng tên O, tên H1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là bạn bè quen biết ngoài xã hội và biết được Công ty Cổ phần NI địa chỉ ấp 7, xã L1, huyện B, tỉnh Long An có diện tích rộng, đã ngưng hoạt động, có nhiều lối đột nhập, ít người quản lý và bảo vệ, nên tất cả đã thỏa thuận, bàn bạc thống nhất với nhau sử dụng 03 phương tiện ghe gỗ, 01 vỏ lãi có gắn động cơ, 01 kiềm cộng lực, 02 xe rửa tự chế, các loại chìa khóa dùng để mở các loại ổ, vít gồm: 01 tay vặn chữ T, 01 cờ lê vặn ốc 2 đầu vuông tròn ký hiệu Yeti, vòng miệng 17mm, 01 cờ lê vặn ốc 2 đầu vuông tròn ký hiệu Yeti, vòng miệng 08mm, 01 ống điều chữ L 01 tua vít đầu bake, 01 tay vặn lục giác do tên O

chuẩn bị để dùng làm công cụ, phương tiện trộm tài sản là các linh kiện, thiết bị bằng sắt, inox (đã qua sử dụng) của Công ty Cổ phần NI để đem bán phế liệu lấy tiền chia nhau tiêu xài, thì tất cả đồng ý.

Đến khoảng 13 giờ ngày 11/7/2021, U gọi điện thoại cho T1 để hỏi nhóm của T1 có đến Công ty NI trộm cắp tài sản không, T1 trả lời có, nên U đi xe ôm một mình đến Công ty NI leo rào đột nhập vào bên trong công ty tìm tài sản trước, còn T1, H, T, T4, C và tên H1 tập trung tại bến đò C1, thuộc xã Đ, huyện B là nơi O neo đậu 03 ghe gỗ có gắn động cơ của tên O. Tại đây, C lấy 01 ghe gỗ dài 13m, rộng 2,8m, cao 1,1m có gắn động cơ hiệu Samdi điều khiển chở T1, H, T, T4 và H1 lưu thông trên sông Vàm Cỏ Đông đến Công ty Cổ phần NI, nhưng trên đường đi khi đến bến phà ấp 10, xã L1 thì máy nổ bị hư nên đậu lại để sửa. Trong lúc sửa máy, thì T gọi điện thoại cho tên O để báo máy bị hư, nên O điều khiển 01 vỏ lãi dài 8,1m, rộng 0,9m, cao 0,36m có gắn động cơ không rõ nhãn hiệu, số máy L3E62863 đến để sửa máy, nhưng máy không nổ được, nên H lấy vỏ lãi của tên O chở T về bến đò C1 để T lấy thêm 01 ghe gỗ dài 9,5m, rộng 1,8m, cao 0,7m có gắn động cơ hiệu SSA 50, ký hiệu máy 032529 của tên O, sau đó H và T chạy ghe và vỏ lãi đến ghe đến nơi ghe đang sửa chữa máy. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày sau khi sửa máy xong, T điều khiển ghe gỗ gắn động cơ hiệu SSA 50 chở T1, H1 còn C điều khiển ghe gỗ gắn động cơ hiệu Samdi chở H, T4. O điều khiển vỏ lãi đi một mình theo sông Vàm Cỏ Đông đến Công ty cổ phần NI. Tất cả khi đến nơi, T và C ở lại giữ ghe, còn T1, H, T4, H1, O đi bộ vào bên trong Công ty NI chia nhau tìm tài sản lấy trộm thì gặp U. Bên cạnh đó còn gặp Nguyễn Phan Ngọc T8, Phạm Hồng T9, Lê Văn T10 có quen biết từ trước với nhóm của T1, cũng đang đi tìm tài sản trộm tại đây, cụ thể U lấy trộm 20kg sắt vụn gồm nhiều cục sắt nhỏ, nắp nhôm, bồn Inox nhỏ, 01 bao dây điện khoảng 10kg, H lấy bu lông, ốc, vít và 2 cái mô-tơ, T4 dùng kiềm cộng lực cắt lấy 03 đoạn dây điện, mỗi đoạn dài khoảng 4-5m, T4 lượng 30kg, H cùng với T4 lấy 01 ống sắt dài 3m đã được tháo sẵn và cùng Thi, T8, T10 dùng chìa khoá tháo ốc, bu lông lấy 04 bồn Inox lớn. Sau khi lấy tài sản thì U, T4, H, T10, T1, Thi cùng lặn bồn Inox xuống ghe, sau đó H, T1, T4, H1, T8, Thi dùng tay khiêng và dùng xe rùa tự chế đẩy tài sản vừa trộm được xuống 02 ghe rồi điều khiển ghe về neo tại đậu bãi đất trống của xưởng đóng tàu Công ty Đ1. Đến 08 giờ ngày 13/7/2021, khi cả nhóm đang chuyển số tài sản trộm được lên bờ để đi tiêu thụ, thì bị Tổ tuần tra của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Long An tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm trên tuyến đường thủy nội địa sông Vàm Cỏ Đông lập biên bản tạm giữ vật chứng và phương tiện, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B giải quyết theo thẩm quyền. Qua điều tra thì T1, T, U, H, C, T4 khai nhận hành vi phạm tội.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, Nguyễn Việt T, Nguyễn Văn U, Trần Vĩnh Kim T4, Trần Lý H khai nhận còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại công ty NI nhiều lần, (trong đó T tham gia 02 lần, T4 tham gia 03 lần, U tham gia 01 lần, T1 tham gia 02 lần) nhưng tất cả không nhớ rõ ngày, tháng cụ thể, số tài sản là sắt vụn không xác định được trong lượng, đồng thời cũng không xác

định được nơi tiêu thụ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đủ cơ sở xem xét xử lý hình sự là phù hợp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 68/KL-HĐĐG ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tiến hành định giá và kết luận: 44kg dây điện lõi nhôm còn vỏ, trị giá 1.100.000đ, 950kg Inox phế liệu trị giá 20.900.000đ, 3.960kg sắt phế liệu trị giá 37.620.000đ, tổng trị giá là 59.620.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2022/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B., tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Lý H, Trần Vĩnh Kim T4, Phạm Minh C, Nguyễn Việt T, Nguyễn Văn U, Nguyễn Việt T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn U 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 13/01/2022 (nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2021 đến 26/8/2021).

Bị cáo Nguyễn Việt T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Bị cáo Trần Lý H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Bị cáo Trần Vĩnh Kim T4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Việt T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Bị cáo Phạm Minh C 02 (hai) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 27/5/2022, bị cáo Nguyễn Việt T kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Việt T1 kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị cáo Nguyễn Việt T1 thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan. Do án sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức hình phạt nặng, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đang nuôi người mẹ vợ bị bệnh tâm thần, con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo Nguyễn Việt T và Nguyễn Việt T1 kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

- Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Việt T1 tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, nên cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo T, T1 về tội danh và điều luật trên là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T1 03 năm 6 tháng tù, bị cáo Nguyễn Việt T 02 năm 6 tháng tù. Bị cáo T1 kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Xét thấy: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T1 kháng cáo có cung cấp thêm tình tiết là có người thân là ông Nguyễn Văn Cu có công với Cách Mạng nhưng các bị cáo không chứng minh được mối quan hệ thân thuộc với các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo T1 còn bổ sung hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, đang nuôi mẹ vợ bị bệnh, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo T thì bị bệnh đang điều trị, nhưng những tình tiết giảm nhẹ này cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, nên các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ. Đối với hành vi phạm tội của bị cáo T là nghiêm trọng với 2 tình tiết tăng nặng định khung, nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Việt T1 và Nguyễn Việt T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2022/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, về hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo T1 nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Việt T1 và Nguyễn Việt T, kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Việt T có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, bị cáo vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không vì lý do bất khả kháng hay do trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Bị cáo Nguyễn Việt T1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Xuất phát từ việc không tiền tiêu xài nên khoảng 12 giờ ngày 12/7/2021, Nguyễn Việt T1, Trần Lý H, Nguyễn Việt T, Trần Vĩnh Kim T4, Phạm Minh C, Nguyễn Văn U và tên O, tên H1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thỏa thuận, bàn bạc thống nhất với nhau sử dụng 03 phương tiện ghe gỗ có gắn động cơ của đối tượng tên O và 01 kiểm cộng lực, 02 xe rùa tự chế, 01 balo có chứa nhiều loại chìa khoá để mở bu lông, ốc vít do tên O chuẩn bị chạy theo tuyến sông Vàm Cỏ Đông đến Công ty Cổ phần NI tại ấp 7, xã L1, huyện B để lấy tài sản là các linh kiện, thiết bị bằng sắt, inox (đã qua sử dụng) để đem bán phế liệu lấy tiền chia nhau tiêu xài, thì tất cả đồng ý. C điều khiển 01 ghe gỗ chở H, T4 còn T điều khiển 01 ghe gỗ chở T1, H1, O điều khiển 01 vỏ lãi đi theo đường sông Vàm Cỏ Đông đến bờ sông phía sau cặp công ty NI, sau đó T và C ở lại giữ ghe. Nguyễn Văn U đi bằng đường bộ, leo rào đột nhập vào công ty NI. Sau khi vào bên trong công ty thì gặp Nguyễn Phan Ngọc T8, Lê Văn T10 và Phạm Hồng T9. Cả nhóm chia nhau đi tìm tài sản và lén lút lấy trộm 44 kg dây điện, 04 bồn Inox T4 lượng 950kg, nhiều đường ống, khúc co bằng sắt, mô tua, sắt miếng, ốc-bulong các loại với tổng trọng lượng 3.960kg, tổng trị giá là: 59.620.000đ, sau đó cả nhóm dùng xe rùa đẩy tài sản trộm cắp được xuống 02 ghe rồi điều khiển ghe về đậu trên sông Vàm Cỏ Đông tiếp giáp với bãi đất trống của xưởng đóng tàu Công ty Đ1. Đến 08 giờ ngày 13/7/2021, khi cả nhóm đang chuyển số tài sản trộm được lên bờ để đi tiêu thụ thì Đội Cảnh sát Giao thông đường thủy tuần tra phát hiện. Như vậy hành vi của các bị cáo Trần Lý H, Trần Vĩnh Kim T4, Phạm Minh C, Nguyễn Việt T, Nguyễn Văn U, Nguyễn Việt T1 có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt T1 và Nguyễn Việt T: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo T1 và bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn C gia đình gặp khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T1 03 năm 6 tháng tù, bị cáo Nguyễn Việt T 02 năm 6 tháng tù. Bị cáo T1 kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, bị cáo T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy

hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi bị cáo gây ra. Các bị cáo kháng cáo có cung cấp thêm tình tiết là có người thân là ông Nguyễn Văn Cu có công với Cách Mạng nhưng các bị cáo không chứng minh được mối quan hệ thân thuộc với các bị cáo. Đối với bị cáo T1 có bổ sung hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, đang nuôi mẹ vợ bị bệnh, bị cáo là lao động chính trong gia đình nhưng tình tiết này cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo T1 kháng cáo nhưng không bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, nên bị cáo T1 yêu cầu giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ. Đối với bị cáo T, bị cáo có cung cấp tình tiết là bản thân đang bị bệnh viêm phổi và đang điều trị nên có căn cứ giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo T là nghiêm trọng, có 2 tình tiết tăng nặng định khung hình phạt nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355 và Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt T1, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm 43/2022/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, giảm một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Việt T là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Nguyễn Việt T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Việt T không phải chịu án phí do một phần kháng cáo được chấp nhận.

[6] Các quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt T1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2022/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Việt T1.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2022/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, giảm hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Việt T.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Việt T1 và Nguyễn Việt T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T1 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T 02 (Hai) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Việt T1 phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Việt T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Người TGTTC;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Phụng**